

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST  
Ngày: 09-01-2023  
V/v: tranh chấp hợp đồng  
góp hui.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Phạm Minh Tú**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Ngô Minh Lý**

**Ông Cao Hoài Hiêm.**

**- Thư ký phiên tòa:** bà **Nguyễn Thị Thu Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** ông **Nguyễn Văn Thương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị **Văn Thị Kim C**, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp CX, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

**- Bị đơn:** chị **Trần Thị Ngọc D**, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp LT, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp LT, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt có đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 08 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Văn Thị Kim C trình bày:*

Chị Văn Thị Kim C yêu cầu chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn T phải trả số tiền hui còn nợ là 255.000.000 (Hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Lý do chị yêu cầu như trên:

Chị D có tham gia chơi hội do chị làm chủ thảo, sau khi hết hội xong thì Chị D không đóng hội chết cho chị, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ nhất, hội 1.000.000 đồng, kỳ mở hội ngày 25/01/2020 âm lịch (nhằm ngày 18/02/2020) gồm có 23 người tham gia, hội khai lúc 12 giờ trưa ngày 25 âm lịch hàng tháng, kỳ mãn hội vào ngày 25/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/01/2022), Chị D tham gia 1 phần hội với số thứ tự là 11; tên trong danh sách hội ghi tên là “D”. Kỳ khai hội lần thứ 4 Chị D kêu 180.000 đồng nên trúng hội và hốt được 18.760.000 đồng (18 người hội sống x 820.000đ và 4 người hội chết x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 300.000đ, Chị D nhận 18.460.000 đồng. Dây hội này chị D đóng hội chết đến kỳ thứ 13 thì ngưng không đóng nữa, Chị D còn nợ chị số tiền hội chết là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Dây hội thứ hai, hội 1.000.000 đồng, kỳ mở hội ngày 25/01/2020 AL (nhằm ngày 18/02/2020) gồm có 23 người tham gia, hội khai lúc 12 giờ trưa ngày 25 âm lịch hàng tháng, kỳ mãn hội vào ngày 25/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/01/2022), Chị D tham gia 1 phần hội với số thứ tự là 13; tên trong danh sách hội ghi tên là “D”. Kỳ khai hội lần thứ 7, Chị D kêu 200.000 đồng nên trúng hội và hốt được 19.000.000 đồng (15 người hội sống x 800.000 đồng và 7 người hội chết x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 300.000đ, Chị D nhận 18.700.000 đồng. Dây hội này chị D đóng hội chết đến kỳ thứ 13 thì ngưng không đóng nữa, Chị D còn nợ chị số tiền hội chết 10.000.000 (mười triệu) đồng.

- Dây hội thứ ba, hội 3.000.000 đồng, kỳ mở hội ngày 15/10/2020 (nhằm ngày 29/11/2020) gồm có 23 người tham gia, hội khai 12 giờ trưa ngày 15 âm lịch hàng tháng, kỳ mãn hội vào ngày 15/8/2022 âm lịch nhằm 10/9/2022 Chị D tham gia 1 phần hội với số thứ tự là 21; tên trong danh sách hội ghi tên là “D”. Kỳ khai hội lần thứ 4, D kêu 700.000 đồng và hốt được 52.700.000 đồng (19 người hội sống x 2.300.000 đồng và 3 người chết x 3.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 900.000 đồng, Chị D nhận 51.800.000 đồng. Dây hội này Chị D đóng hội chết đến kỳ thứ 6 thì ngưng không đóng nữa, Chị D còn nợ chị số tiền hội chết là 51.000.000 (năm mươi một triệu) đồng.

- Dây hội thứ tư, hội 2.000.000 đồng, kỳ mở hội ngày 15/10/2020 (nhằm ngày 29/11/2020) gồm có 23 người tham gia, hội khai lúc 12 giờ trưa ngày 15 âm lịch hàng tháng, kỳ mãn hội vào ngày 15/8/2022 âm lịch (nhằm ngày 10/9/2022), Chị D tham gia 1 phần hội với số thứ tự là 19; tên trong danh sách hội ghi tên là “D”. Kỳ khai hội lần thứ 3, D kêu 410.000 đồng nên trúng hội và hốt được 35.800.000 đồng (20 người hội sống x 1.590.000 đồng và 2 người hội chết x 2.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 600.000 đồng, Chị D nhận 35.200.000 đồng. Dây hội này Chị D đóng hội chết đến kỳ thứ 6 thì ngưng không đóng nữa, Chị D nợ chị số tiền hội chết là 34.000.000 (ba mươi bốn triệu) đồng.

- Dây hội thứ năm, hội 5.000.000 đồng, kỳ mở hội ngày 29/6/2020 âm lịch (nhằm ngày 18/8/2020) gồm có 23 người tham gia, hội khai lúc 12 giờ trưa ngày 30 âm lịch hàng tháng, kỳ mãn hội vào ngày 30/4/2022 âm lịch (nhằm ngày 30/5/2022), Chị D tham gia 1 phần hội với số thứ tự là 10; tên trong danh sách hội ghi tên là “D”. Kỳ khai hội lần thứ 2, Chị D kêu 1.370.000 đồng nên

trúng hụi và hốt được 81.230.000 đồng (21 người hụi sống x 3.630.000 đồng và 1 người chết x 5.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 1.500.000 đồng, Chị D nhận 79.730.000 đồng. Dây hụi này chị D đóng hụi chết đến kỳ thứ 8 thì ngưng không đóng nữa, Chị D nợ chị số tiền hụi chết là 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

- Dây hụi thứ sáu, hụi 3.000.000 đồng, kỳ mở hụi ngày 29/6/2020 âm lịch (nhằm ngày 18/8/2020) gồm có 23 người tham gia, hụi khai lúc 12 giờ trưa ngày 30 âm lịch hàng tháng, kỳ mãn hụi vào ngày 30/4/2022 âm lịch (nhằm ngày 30/5/2022), Chị D tham gia 1 phần hụi với số thứ tự là 16; tên trong danh sách hụi ghi tên là “D”. Kỳ khai hụi lần thứ 7, Chị D kêu 460.000 đồng và hốt được 58.640.000 đồng (16 người hụi sống x 2.540.000 đồng và 6 người hụi chết x 3.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 900.000 đồng, Chị D nhận 57.740.000 đồng. Dây hụi này Chị D đóng hụi chết đến kỳ thứ 8 thì ngưng không đóng nữa, Chị D còn nợ chị số tiền hụi chết là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

- Dây hụi thứ bảy, hụi 1.000.000 đồng, kỳ mở hụi ngày 29/6/2020 âm lịch (nhằm ngày 18/8/2020) gồm có 23 người tham gia, hụi khai lúc 12 giờ trưa ngày 30 âm lịch hàng tháng, kỳ mãn hụi vào ngày 30/4/2022 âm lịch (nhằm ngày 30/5/2022), Chị D tham gia 1 phần hụi với số thứ tự là 16; tên trong danh sách hụi ghi tên là “D”. Kỳ khai hụi lần thứ 4, D kêu 180.000 đồng nên trúng hụi và hốt được 18.580.000 đồng (19 người hụi sống x 820.000 đồng và 3 người hụi chết x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 300.000 đồng, Chị D nhận 18.280.000 đồng. Dây hụi này Chị D đóng hụi chết đến kỳ thứ 8 thì ngưng không đóng nữa, Chị D còn nợ chị số tiền hụi chết là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Dây hụi thứ tám, hụi 1.000.000 đồng, kỳ mở hụi ngày 29/6/2020 âm lịch (nhằm ngày 18/8/2020) gồm có 23 người tham gia, hụi khai lúc 12 giờ trưa ngày 30 âm lịch hàng tháng, kỳ mãn hụi vào ngày 30/4/2022 âm lịch (nhằm ngày 30/5/2022), Chị D tham gia 1 phần hụi với số thứ tự là 12; tên trong danh sách hụi ghi tên là “D”. Kỳ khai hụi lần thứ 4 D kêu 180.000 đồng nên trúng hụi và hốt được 18.580.000 đồng (19 người hụi sống x 820.000 đồng và 3 người hụi chết x 1.000.000 đồng), trừ tiền hoa hồng 300.000 đồng, Chị D nhận 18.280.000 đồng. Dây hụi này chị D đóng hụi chết đến kỳ thứ 8 thì ngưng không đóng nữa, Chị D còn nợ chị số tiền hụi chết là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Tổng số tiền hụi chết Chị D còn nợ không đóng cho chị là 255.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Chị D tham gia chơi hụi và dùng tiền hốt hụi để chi phí sinh hoạt cho gia đình và mua đất. Số tiền hụi chết Chị D không đóng, chị đã đóng thay cho Chị D để trả cho các hụi viên xong. Tất cả các dây hụi trên đã mãn.

Nguyên vọng, chị yêu cầu chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn T trả số tiền hụi chết là 255.000.000 (Hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

*Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn - chị Trần Thị Ngọc D trình bày:*

Chị thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị C về ngày tháng mở hụi, mãn

hụi, hốt hụi và đăng hụi chết là đúng.

Các dây hụi nêu trên chị đã trúng hụi và chị C cũng đã đăng hụi đầy đủ cho chị, chị đóng hụi chết được một thời gian thì ngưng không đóng tiếp là do làm ăn thất bại mất khả năng đóng. Sau đó, chị C có đến gặp chị để tổng kết số nợ hụi chết còn thiếu; qua tính toán hai bên đi đến thống nhất là chị còn thiếu chị C tổng cộng số tiền là 255.000.000 đồng, chị có năn nỉ chị C để trả dần nhưng chị C không đồng ý và làm đơn khởi kiện chị. Các dây hụi nêu trên đã mãn hụi và chị C đã đóng hụi chết thay chị đến khi mãn hụi.

Số tiền hốt các dây hụi nêu trên chị sử dụng cho người khác vay tiền lấy tiền lãi để kiếm thêm thu nhập làm kinh tế gia đình và có chi phí cho con chị có tiền đi học, chồng chị là anh Bùi Văn T không biết việc chị tham gia góp hụi này và cũng không liên quan gì đến số tiền hụi nêu trên.

Nay chị đồng ý trả cho chị C số tiền 255.000.000 đồng, còn việc buộc chồng chị là anh Bùi Văn T thì chị không đồng ý vì chồng chị không biết gì về số tiền này và cũng không liên quan gì. Chị không yêu cầu tính lãi suất. Yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

*Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Bùi Văn T vắng mặt, theo biên bản lời khai ngày 24/11/2022 anh Bùi Văn T trình bày:*

Anh không biết việc Chị D có tham gia góp hụi với chị C nên không đồng ý cùng Chị D trả số tiền nợ hụi. Anh và Chị D đã ly thân từ tháng 06 năm 2021 đến nay.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị Kim C đối với chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn T về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Văn Thị Kim C số tiền 255.000.000 (Hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng. Ghi nhận chị Văn Thị Kim C không yêu cầu tính lãi.

2. Chị D, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ý kiến của người đại diện hợp pháp của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Chị C khởi kiện yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền hội nên quan hệ pháp luật được Tòa án thụ lý vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hội” và Chị D đang cư trú tại ấp LT, xã HT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết là phù hợp với khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện của chị C khởi kiện yêu cầu Chị D, anh T trả số tiền nợ hội 255.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, chị C đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu và chứng cứ là:

- + Giấy hội 3.000.000 đồng ngày 15/10/2020 (al)
- + Giấy hội 2.000.000 đồng ngày 15/10/2020 (al)
- + Giấy giao hội 3.000.000 đồng ngày 18/01/2021 (al)
- + Giấy giao hội 2.000.000 đồng ngày 19/12/2020 (al)
- + Giấy hội 1.000.000 đồng (A) ngày 29/06/2020 (al)
- + Giấy hội 1.000.000 đồng (B) ngày 29/06/2020 (al)
- + Giấy hội 3.000.000 đồng ngày 29/06/2020 (al)
- + Giấy hội 5.000.000 đồng ngày 29/06/2020 (al)
- + Giấy giao hội 3.000.000 đồng ngày 07/01/2021 (al)
- + Giấy giao hội 5.000.000 đồng ngày 06/08/2020 (al)
- + Giấy giao hội 1.000.000 đồng (A+B) ngày 03/10/2020 (al)
- + Giấy hội 1.000.000 đồng (B) ngày 25/01/2020 (al)
- + Giấy hội 1.000.000 đồng (A) ngày 25/01/2020 (al)
- + Giấy giao hội 1.000.000 đồng (B) ngày 27/07/2020 (al)
- + Giấy giao hội 1.000.000 đồng (A) ngày 28/4/2020 (al)

Bên cạnh đó, Chị D cũng thừa nhận có tham gia các dây hội nêu trên do chị C làm chủ, sau khi hốt hội Chị D không góp hội hết đầy đủ còn nợ số tiền 255.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị C.

[4] Xét nghĩa vụ trả nợ thì thấy: Chị D và anh T chung sống với nhau và sinh hoạt kinh tế gia đình chung. Trong khoảng thời gian tham gia góp hụi, trúng hụi, Chị D và anh T vẫn đang sống chung nhà. Anh T trình bày đã ly thân với Chị D kể từ tháng 06 năm 2021. Tuy nhiên theo xác minh tại địa phương, anh T và Chị D vẫn ở chung nhà, sinh hoạt gia đình bình thường, không có mâu thuẫn gì.

Mặc dù anh T cho rằng không biết số nợ hụi chị C nhưng thu nhập chính của gia đình là từ việc làm ruộng và thu nhập từ lương công nhân của Chị D kể từ khoảng 1 năm trở lại đây, trước đó Chị D chỉ ở nhà chăm sóc con. Hơn nữa, Chị D trình bày sử dụng số tiền hốt hụi được cho người khác vay lấy tiền lãi để kiếm thêm thu nhập làm kinh tế gia đình và có tiền chi phí cho con đi học, chi phí sinh hoạt kinh tế trong gia đình do Chị D chi phí, Chị D cũng thừa nhận không có cờ bạc hay tiêu xài gì. Việc anh T cho rằng không biết là không có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ xác định số tiền nợ hụi 255.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng, là nợ chung của Chị D và anh T nên cần buộc anh T có nghĩa vụ liên đới cùng với Chị D trả số tiền nợ như trên cho chị C là phù hợp với Điều 288 của Bộ luật Dân sự và các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Chị D, anh T có nghĩa vụ trả cho chị C số tiền nợ 255.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Ghi nhận chị C không yêu cầu Chị D, anh T tính lãi suất.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Do toàn bộ yêu cầu của chị C được Tòa án chấp nhận nên Chị D và anh T phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 26, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 471 của Bộ luật Dân sự; các điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Văn Thị Kim C đối với chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn T về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp hụi”

Buộc chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Văn Thị Kim C số tiền 255.000.000 (hai trăm năm mươi lăm triệu) đồng.

Ghi nhận chị C không yêu cầu Chị D, anh T trả lãi suất.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc D và anh Bùi Văn T có nghĩa vụ liên đới chịu 12.750.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho chị Văn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.375.000 (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0026846 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Báo cho chị C, Chị D biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Minh Tú**